

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 09- 2024
Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Vượng

2. Bà Phạm Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Trọng Lợi – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 09 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 29/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 18/08/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đ T L – Sinh năm 1979

Nơi cư trú: Tổ 03, ấp Đ T, xã Đ N, huyện H Q, tỉnh B P.

Bị đơn: Anh N T T – Sinh năm 1975

Nơi cư trú: Tổ 03, ấp Đ T, xã Đ N, huyện H Q, tỉnh B P.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2024, bản tự khai ngày 26/02/2024, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đ T L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ T L và anh N T T tự nguyện kết hôn năm 2004 và đăng ký kết hôn vào năm 2014 sau đó ly hôn và đăng ký kết hôn lần 2 vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tin tưởng nhau và đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Đ T L yêu cầu được ly hôn với anh N T T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên N T B, sinh năm 2004; N T M L, sinh ngày 04/10/2009, N T X U, sinh ngày 20/9/2016. Vợ chồng không nhận ai làm con nuôi. Hiện tại chị L không mang thai. Khi ly hôn

chị L đồng ý cho anh T nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Mai Linh, Nguyễn Thị Xuân Uyên. Chị L không cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Đối với con chung Nguyễn Trọng Bút đã trưởng thành nên không có yêu cầu gì.

Về tài sản: Quá trình giải quyết chị L yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản là thửa đất diện tích 10m x 50m, trên đất có 01 nhà cấp 4 thuộc một phần thửa đất số số 21, tờ bản đồ 48 tọa lạc ấp Đồng Tân, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Đất được UBND huyện Bình Long (nay là huyện Hớn Quản) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên chị L rút yêu cầu chia tài sản không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại vợ chồng.

Ngoài ra, vì lý do công việc chị L yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai đề ngày 04/5/2024, quá trình hòa giải bị đơn anh N T T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời khai của chị Đ T L về thời gian đăng ký kết hôn, nơi kết hôn và thời gian chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do về không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi nhau. Nay chị Đ T L làm đơn ly hôn thì anh N T T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất với lời khai của chị Đ T L về con chung. Khi ly hôn anh T yêu cầu nuôi 02 con chung tên N T M L, sinh ngày 04/10/2009, N T X U, sinh ngày 20/9/2016, anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Đối với con chung N Tr B, sinh năm 2004 đã trưởng thành nên anh T không có yêu cầu gì.

Về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại vợ chồng.

Ngoài ra, vì lý do công việc anh T yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản không có ý kiến gì thêm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã xác định được vợ chồng chị Đ T L, anh N T T có mâu thuẫn, không thể hòa giải đoàn tụ và anh T cũng đồng ý ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ T L đối với anh N T T. Về con chung giao 02 con chung tên N T M L, sinh ngày 04/10/2009, N T X U, sinh ngày 20/9/2016 cho anh T nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Đối với con chung N T B, sinh năm 2004 đã trưởng thành nên không xem xét, về tài sản chung đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản, nợ chung không có nên không xem xét. Án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, Điều a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với anh N T T có nơi cư trú tại xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

- Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ T L, anh N T T là hôn nhân hợp pháp, các đương sự có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Chị L cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không được và đã sống ly thân. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản đã hòa giải đoàn tụ cũng như cho thời gian mục đích vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L không đồng ý. Anh T cũng thừa nhận: Về quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Như vậy có cơ sở xác định lời trình bày của chị L là đúng, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Ngoài ra anh T cũng đồng ý ly hôn vì không tìm được tiếng nói chung để hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ T L chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh N T T.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên N T B, sinh năm 2004; N T M L, sinh ngày 04/10/2009, N T X U, sinh ngày 20/9/2016 hiện tại đang ở cùng với anh T. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi 02 con chung N T M L, N T X U. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung đang sống chung với anh T và chị L cũng đồng ý cho anh T nuôi 02 con chung N T M L, sinh ngày 04/10/2009, N T X U, ngoài ra nguyện vọng của cháu U, cháu L là sống với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung N T M L, sinh ngày 04/10/2009, N T X U, sinh ngày 20/9/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng con chung và quan điểm của chị L. Đối với con chung tên N T B, sinh năm 2004 đã trưởng thành nên không xem xét

- Về cấp dưỡng: Anh T chưa yêu cầu chị L cấp dưỡng nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết chị L yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản là thửa đất diện tích 10m x 50m, trên đất có 01 nhà cấp 4 thuộc một phần thửa đất số số 21, tờ bản đồ 48 tọa lạc ấp Đồng Tân, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Đất được UBND huyện Bình Long (nay là huyện Hớn Quản) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên chị L rút yêu cầu chia tài sản và anh T cũng không yêu cầu tòa án giải quyết. Vì vậy cần đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu chia tài sản. Nợ chung các đương sự khai không có nên cũng không xem xét giải quyết trong vụ án.

[3] Về án phí: Chị Đ T L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Tại phiên Tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, các đương sự, Hội đồng xét xử và nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 01 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Đ T L được ly hôn với anh N T T (*Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75 ngày 07/8/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước*).

2. Về con chung: Giao con chung tên N T M L, sinh ngày 04/10/2009, N T X U, sinh ngày 20/9/2016 cho anh N T T trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung tên N T B, sinh năm 2004 đã trưởng thành nên không xem xét.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T chưa yêu cầu chị L cấp dưỡng nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất diện tích 10m x 50m, trên đất có 01 nhà cấp 4 thuộc một phần thửa đất số số 21, tờ bản đồ 48 tọa lạc ấp Đồng Tân, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Đất được UBND huyện Bình Long (nay là huyện Hớn Quản) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

6. Về án phí: Chị Đ T L chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản hoàn trả lại cho chị Đ T L 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005069 ngày 26/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quốc Vượng Phạm Thị Thanh Hương

Đỗ Đình Thuyên

